



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

(Kèm theo quyết định số: /QĐ - VPCNCLQG ngày tháng 09 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia)

Tên tổ chức giám định: **CÔNG TY TNHH NIPPON KAIJI KENTEI (VIỆT NAM)**
Name of Inspection Body: **NIPPON KAIJI KENTEI (VIETNAM) LIMITED**
Mã hiệu công nhận: **VIAS 034**
Accreditation Code:
Chuẩn mực công nhận: **ISO/IEC 17020:2012**
Accreditation criteria:
Địa chỉ trụ sở chính: **Lầu 8, tòa nhà Melody , 651-653 Điện Biên Phủ , phường Thanh Mỹ**
Head office address: **Tây, thành phố Hồ Chí Minh**
8th Floor, Melody tower, 651-653 Dien Bien Phu street, Thanh My Tay ward, Ho Chi Minh city
Địa điểm công nhận: **Lầu 8, tòa nhà Melody , 651-653 Điện Biên Phủ , phường Thanh Mỹ**
Accredited locations: **Tây, thành phố Hồ Chí Minh**
8th Floor, Melody tower, 651-653 Dien Bien Phu street, Thanh My Tay ward, Ho Chi Minh city
Điện thoại/ Tel: **(84.8) 38407496**
Email: **admin@vnkk.com.vn** Website:
Loại tổ chức giám định : **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện : **Mr. Moriguhi Makoto**
Authorized Person:
Hiệu lực công nhận: **Từ ngày /09/2026 đến ngày /09/2031**
Period of Validation:



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
Scope of Accredited Inspections

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Inspection Methods and Procedures</i>	Địa điểm và /hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Phế liệu: Thép phế liệu Scrap: Steel scrap	- Khối lượng qua cân cầu và qua mớn - Giám định chất lượng theo QCVN 31:2024: phân loại theo HS, xác định tỷ lệ tạp chất, chất thải nguy hại - <i>Weighing by bridge scale and draft survey</i> - <i>Quality by QCVN 31:2024: clasification by HS, identify impurities, hazardous waste.</i>	QTGD-01-2023 QTGD-18-2023 PPGD-01-2025	Phòng hàng hóa Cargo department
	Tầm soát phóng xạ tại hiện trường theo Suất liều ($\mu\text{Sv/h}$) và tổng nhiễm xạ bề mặt (Bq/cm^2). <i>On-site Screening radioactive by Radiation dose rate ($\mu\text{Sv/h}$) and Total radioactive surface contamination (Bq/cm^2).</i>	PPGD-01-2025 QT.I.01/2025 QT.I.02/2025	

Ghi chú/ Note:

- QTGD, PPGD aa-bbbb; QT.I.aa.xxxx : Phương pháp và / hoặc Qui trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods and procedures*
- Trường hợp Công ty TNHH Nippon Kaiji Kentei (Việt Nam) cung cấp dịch vụ giám định thì tổ chức giám định phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Nippon Kaiji Kentei (Vietnam) Limited that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION ANNEX

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP VÀ / HOẶC QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
List of Inspection Methods and / or procedures

Stt	Tên phương pháp và/hoặc quy trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã hiệu phương pháp / quy trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
1.	Quy trình giám định món nước	QTGD-01-2023
2.	Quy trình giám định cân bằng cân cầu -xe tải	QTGD-18-2023
3.	Phương pháp giám định về phế liệu sắt, thép, gang theo QCVN 31:2024	PPGD-01-2025
4.	Quy trình kiểm tra nhanh phóng xạ đối với hàng Công ten nơ	QT.I.01/2025
5.	Quy trình kiểm tra nhanh phóng xạ đối với tàu	QT.I.02/2025

[Handwritten signature]